NÂNG CAO NĂNG LỰC HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: NGHIÊN CỨU TẠI ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Nguyễn Đỗ Minh Trang[1], Phạm Quỳnh Trang[2], Thân Mai Phương[3], Nguyễn Ngọc Ánh[4], Nguyễn Huy Bắc[5], Trần Kiên Cường[6]

[1,2,3,4,5]Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, Đại học Kinh tế Quốc dân

[6]Viện Đào tạo Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: *Trí tuệ nhân tạo đang mở ra một không gian học tập mới, nơi sinh viên có thể tiếp cận tri thức nhanh hơn, cá nhân hóa việc tự học và nhận phản hồi gần như tức thời. Tuy nhiên, đối với các môn lý luận chính trị, hiệu quả của công nghệ không chỉ phụ thuộc vào khả năng thao tác công cụ mà còn gắn với năng lực kiểm chứng, tư duy độc lập và sự định hướng của giảng viên, Đại học. Nghiên cứu này xây dựng và kiểm định mô hình gồm năng lực sử dụng AI, khả năng kiểm chứng thông tin do AI cung cấp, năng lực tự học có hỗ trợ của AI và sự hỗ trợ của giảng viên, Đại học đối với năng lực học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân. Kết quả cho thấy AI phát huy giá trị rõ nhất khi được đặt trong một quá trình học tập có mục tiêu, có kiểm chứng và có trách nhiệm. Từ đó, bài viết đề xuất khung quản trị tích hợp AI theo hướng lấy người học làm trung tâm, bảo vệ liêm chính học thuật và nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.*

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; lý luận chính trị; năng lực học tập; tự học; kiểm chứng thông tin; quản trị đại học.*

ENHANCING LEARNING CAPACITY IN POLITICAL THEORY COURSES IN THE CONTEXT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE APPLICATION: A STUDY AT NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

Abstract: *Artificial intelligence is reshaping university learning by enabling rapid access to knowledge, personalized support, and immediate feedback. In political theory education, however, technological proficiency alone is insufficient. Learning quality also depends on students' ability to verify AI-generated information, regulate their own learning, and engage with institutional guidance. This study examines how AI learning competency, AI information verification capability, AI-supported self-regulated learning, and lecturer and institutional support shape political theory learning capacity among students at the National Economics University. The findings indicate that AI contributes most meaningfully when embedded in purposeful, verified, and responsible learning practices. Policy implications are proposed for human-centered AI governance, academic integrity, assessment redesign, and the development of critical political-theory learning.*

Keywords*: artificial intelligence; political theory; learning capacity; self-regulated learning; information verification; university governance.*

Nhận bài: 22/06/2026 Phản biện: 22/07/2026 Duyệt đăng: 25/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giáo dục đại học, trí tuệ nhân tạo tạo ra một nghịch lý đáng suy ngẫm. Công nghệ giúp người học tìm kiếm, giải thích và hệ thống hóa kiến thức nhanh hơn, nhưng cũng có thể làm suy giảm nỗ lực nhận thức nếu sinh viên sử dụng AI như một "câu trả lời thay thế" cho quá trình đọc, suy luận và đối thoại học thuật. Nghịch lý này đặc biệt rõ trong các môn lý luận chính trị, nơi mục tiêu không dừng ở ghi nhớ khái niệm mà hướng tới hình thành thế giới quan, phương pháp luận, năng lực phân tích và khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn.

Đối với sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân, các môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo nền tảng để nhận thức các vấn đề phát triển, quản trị, công bằng xã hội và trách nhiệm công dân. Tuy nhiên, đặc trưng khái quát cao, hệ thống khái niệm chặt chẽ và yêu cầu gắn với văn kiện, bối cảnh lịch sử khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn khi tự học. AI có thể giúp "dịch" nội dung phức tạp thành cách diễn đạt gần gũi hơn, nhưng câu trả lời do mô hình ngôn ngữ tạo sinh không mặc nhiên chính xác. Nếu thiếu kiểm chứng, công nghệ có thể làm kiến thức trở nên dễ tiếp cận nhưng nông hơn, nhanh hơn nhưng thiếu chiều sâu.

Nghiên cứu quốc tế gần đây chuyển từ câu hỏi "sinh viên có sử dụng AI hay không" sang câu hỏi quan trọng hơn: sinh viên sử dụng AI với năng lực nào, trong cấu trúc học tập nào và dưới cơ chế trách nhiệm ra sao. Các tổng quan cho thấy AI có thể hỗ trợ lập kế hoạch, phản hồi và tự giám sát, nhưng lợi ích phụ thuộc vào khả năng tự điều chỉnh của người học và thiết kế sư phạm của cơ

sở đào tạo (Lan & Zhou, 2025). Đồng thời, tư duy phản biện phải được đặt ở trung tâm để người học đánh giá giả định, nguồn dữ liệu và giới hạn của nội dung do AI tạo ra (Rudolph et al., 2024).

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh quản trị đại học dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình, Nghị định số 88/2026/NĐ-CP về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo cùng Nghị định số 91/2026/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học tạo thêm cơ sở để các trường xây dựng quy tắc sử dụng AI, quản lý dữ liệu học tập và bảo đảm chất lượng. Tuy vậy, khoảng trống hiện nay là thiếu bằng chứng thực nghiệm về những năng lực cụ thể giúp AI thực sự nâng cao việc học lý luận chính trị.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực học tập các môn lý luận chính trị

Năng lực học tập các môn lý luận chính trị được hiểu là khả năng tiếp nhận, giải thích, phân tích, liên hệ và vận dụng hệ thống tri thức lý luận vào việc nhận diện các vấn đề kinh tế, xã hội và quản trị trong thực tiễn. Khái niệm này rộng hơn kết quả thi, bởi một sinh viên có thể đạt điểm cao nhờ ghi nhớ nhưng vẫn hạn chế trong việc giải thích bằng ngôn ngữ của mình hoặc phản biện một lập luận thiếu căn cứ.

Trong môi trường số, năng lực học tập còn bao gồm khả năng lựa chọn nguồn tin, nhận diện sai lệch và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm trí tuệ. Điều đó đặc biệt quan trọng đối với lý luận chính trị vì sai lệch trong khái niệm, sự kiện hoặc văn kiện có thể dẫn tới hiểu sai bản chất vấn đề. Do vậy, AI chỉ có ý nghĩa giáo dục khi giúp sinh viên đi sâu hơn vào văn bản gốc, đặt câu hỏi tốt hơn và phát triển lập luận độc lập.

2.2. Năng lực sử dụng AI trong học tập

Năng lực sử dụng AI không chỉ là biết mở một công cụ và nhập câu hỏi. Nó bao gồm khả năng xác định nhiệm vụ, lựa chọn công cụ, thiết kế câu lệnh, điều chỉnh tương tác và tích hợp đầu ra AI với kiến thức chuyên môn. Các nghiên cứu về AI literacy nhấn mạnh các chiều kỹ thuật, ứng dụng, phản biện và đạo đức; trong bối cảnh Việt Nam, việc phát triển thang đo AI literacy cho sinh viên cũng cho thấy năng lực này cần được đặt trong điều kiện văn hóa và giáo dục cụ thể (Do et al., 2026).

Đối với môn lý luận chính trị, sinh viên có năng lực sử dụng AI có thể yêu cầu công cụ so sánh khái niệm, tạo tình huống, xây dựng câu hỏi phản biện hoặc giải thích một luận điểm theo nhiều mức độ. Khi thao tác chủ động, người học biến AI thành công cụ hỗ trợ tư duy thay vì nguồn đáp án. Từ đó, giả thuyết H1 được đề xuất: Năng lực sử dụng AI trong học tập ảnh hưởng tích cực đến năng lực học tập các môn lý luận chính trị.

2.3. Khả năng kiểm chứng thông tin do AI cung cấp

Mô hình ngôn ngữ tạo sinh có thể trình bày câu trả lời trôi chảy ngay cả khi thông tin thiếu căn cứ. Vì vậy, khả năng kiểm chứng là năng lực đối chiếu đầu ra AI với giáo trình, văn kiện, tài liệu chính thống và nguồn học thuật đáng tin cậy. Đây không phải thao tác bổ sung sau khi dùng AI, mà là điều kiện để bảo vệ chất lượng nhận thức.

Trong học tập lý luận chính trị, kiểm chứng còn giúp sinh viên nhận ra sự khác biệt giữa một giải thích thuận tai và một lập luận đúng về lịch sử, lý luận và bối cảnh. Khi sinh viên kiểm tra nguồn, họ buộc phải đọc sâu hơn và hình thành thói quen hoài nghi khoa học. Giả thuyết H2: Khả năng kiểm chứng thông tin do AI cung cấp ảnh hưởng tích cực đến năng lực học tập các môn lý luận chính trị.

2.4. Năng lực tự học có hỗ trợ của AI

Tự học có điều chỉnh là quá trình người học xác lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược, theo dõi tiến độ và tự đánh giá. AI có thể hỗ trợ từng giai đoạn thông qua lập kế hoạch, giải thích khái niệm, tạo câu hỏi và phản hồi. Tổng quan của Lan và Zhou (2025) cho thấy AI có tiềm năng thúc đẩy quyền tự chủ, nhưng tác động phụ thuộc vào việc sinh viên còn giữ vai trò điều khiển quá trình học hay không.

Trong các môn lý luận chính trị, AI có thể giúp người học nối các khái niệm vốn rời rạc thành một hệ thống, chuyển nội dung dài thành sơ đồ hoặc tự tạo câu hỏi vận dụng. Khi được sử dụng như một "đối tác học tập", AI có thể kéo dài thời gian tương tác với kiến thức ngoài lớp học. Giả thuyết H3: Năng lực tự học có hỗ trợ của AI ảnh hưởng tích cực đến năng lực học tập các môn lý luận chính trị.

2.5. Sự hỗ trợ của giảng viên và Đại học

Trách nhiệm sử dụng AI không thể đặt hoàn toàn lên vai sinh viên. Nếu quy định mơ hồ, người học khó phân biệt giữa hỗ trợ hợp lệ và thay thế tư duy; nếu đánh giá chỉ yêu cầu tái hiện thông tin, AI càng dễ trở thành công cụ làm hộ. Sự hỗ trợ thể chế bao gồm hướng dẫn sử dụng, nguồn tài liệu đối chiếu, thiết kế nhiệm vụ, quy tắc khai báo AI và phản hồi của giảng viên.

Chính sách hiệu quả không nên chỉ cấm hoặc cho phép, mà cần chỉ rõ mức độ sử dụng phù hợp với từng nhiệm vụ. Giảng viên giữ vai trò tạo ra "ma sát nhận thức" cần thiết: yêu cầu sinh viên giải thích lựa chọn, bảo vệ lập luận và liên hệ với tình huống thực tế. Giả thuyết H4: Sự hỗ trợ của giảng viên và Đại học ảnh hưởng tích cực đến năng lực học tập các môn lý luận chính trị.

KHUNG NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

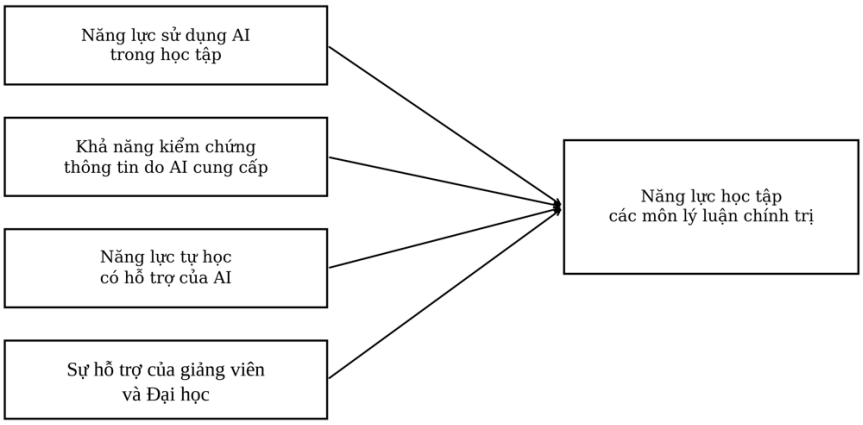

Hình 1. Khung nghiên cứu đề xuất

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng thiết kế định lượng sơ cấp kết hợp phân tích tài liệu thứ cấp. Dữ liệu định lượng được thu thập từ 172 sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân đã học hoặc đang học ít nhất một môn lý luận chính trị. Bảng hỏi sử dụng thang Likert 5 mức, gồm bốn biến độc lập: năng lực sử dụng AI trong học tập (AILC), khả năng kiểm chứng thông tin AI (AIVC), năng lực tự học có hỗ trợ của AI (AISRL), sự hỗ trợ của giảng viên và Đại học (ILS); biến phụ thuộc là năng lực học tập các môn lý luận chính trị (PTLC).

Các thang đo được phát triển từ tổng hợp nghiên cứu gần đây về AI literacy, self-regulated learning, tư duy phản biện và quản trị AI trong giáo dục, sau đó điều chỉnh cho bối cảnh môn lý luận chính trị. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 20 thông qua thống kê mô tả, Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến. Ngưỡng chấp nhận gồm Cronbach's Alpha từ 0,70; hệ số tương quan biến - tổng từ 0,30; KMO từ 0,50; kiểm định Bartlett có ý nghĩa; VIF dưới 5; mức ý nghĩa 5%.

Phần định tính thứ cấp được thực hiện bằng cách đối chiếu kết quả khảo sát với các công trình quốc tế công bố trong giai đoạn gần đây và văn bản quản lý giáo dục của Việt Nam. Cách kết hợp này giúp tránh việc diễn giải hệ số một cách cơ học, đồng thời đặt phát hiện vào bối cảnh quản trị đại học và đổi mới giáo dục lý luận chính trị.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Độ tin cậy và giá trị thang đo

Các thang đo đều đạt độ tin cậy phù hợp. Cronbach's Alpha lần lượt là 0.849 đối với năng lực sử dụng AI, 0.791 đối với khả năng kiểm chứng, 0.776 đối với tự học có hỗ trợ AI, 0.802 đối với hỗ trợ của giảng viên và Đại học, và 0.803 đối với năng lực học tập lý luận chính trị. KMO chung đạt 0.831; kiểm định Bartlett có Chi-square = 2136.262, df = 666, $p < 0,001$. Những kết quả này cho thấy dữ liệu phù hợp để tiếp tục phân tích nhân tố và hồi quy.

Thang đo	Số biến	Cronbach's Alpha	Đánh giá
Năng lực sử dụng AI	7	0.849	Đạt
Khả năng kiểm chứng	7	0.791	Đạt
Tự học có hỗ trợ AI	7	0.776	Đạt
Hỗ trợ của giảng viên và Đại học	7	0.802	Đạt
Năng lực học tập lý luận chính trị	9	0.803	Đạt

Bảng 1. Độ tin cậy của các thang đo

4..2. Thống kê mô tả và tương quan

Điểm trung bình của các cấu trúc dao động quanh mức khá. Năng lực học tập lý luận chính trị có giá trị trung bình 3.774; năng lực sử dụng AI 3.769; khả năng kiểm chứng 3.761; tự học có hỗ trợ AI 3.696; hỗ trợ của giảng viên và Đại học 3.694. Khoảng cách giữa các giá trị không lớn, cho thấy sinh viên nhìn nhận tương đối cân bằng giữa năng lực cá nhân và điều kiện hỗ trợ. Tuy nhiên, mức trung bình chưa chạm ngưỡng rất cao cũng gợi ý rằng việc sử dụng AI vẫn đang ở giai đoạn thích nghi, chưa hình thành đầy đủ thành một năng lực học tập có hệ thống.

Tất cả bốn biến độc lập đều tương quan thuận với năng lực học tập lý luận chính trị. Hệ số tương quan mạnh nhất thuộc về năng lực tự học có hỗ trợ AI (r = 0.484), tiếp theo là hỗ trợ của giảng viên và Đại học (r = 0.468), năng lực sử dụng AI (r = 0.398) và khả năng kiểm chứng (r = 0.314). Các tương quan giữa các biến độc lập ở mức thấp đến vừa, không cho thấy dấu hiệu trùng lặp khái niệm nghiêm trọng.

4.3. Kết quả hồi quy

Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê, F = 29.92, p < 0,001; R^2 hiệu chỉnh = 0.403. Như vậy, bốn yếu tố giải thích khoảng 40,3% biến thiên của năng lực học tập các môn lý luận chính trị. Durbin-Watson đạt 2.021; các hệ số VIF dao động từ 1.127 đến 1.178, cho thấy không có vấn đề tự tương quan hoặc đa cộng tuyến đáng kể.

Biến	B	Beta	t	Sig.	Kết luận
Năng lực sử dụng AI	0.166	0.200	3.117	0.002	Chấp nhận
Khả năng kiểm chứng	0.125	0.131	2.093	0.038	Chấp nhận
Tự học có hỗ trợ AI	0.311	0.326	5.178	<0.001	Chấp nhận
Hỗ trợ của giảng viên và Đại học	0.273	0.296	4.668	<0.001	Chấp nhận

Bảng 2. Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến

Năng lực tự học có hỗ trợ AI là yếu tố có tác động mạnh nhất (Beta = 0,326), tiếp theo là sự hỗ trợ của giảng viên và Đại học (Beta = 0,296), năng lực sử dụng AI (Beta = 0,200) và khả năng kiểm chứng thông tin (Beta = 0,131). Cả bốn giả thuyết đều được chấp nhận. Trật tự này mang ý nghĩa quan trọng: hiệu quả học tập không xuất hiện chỉ vì sinh viên biết dùng công cụ; nó hình thành rõ hơn khi công cụ được đưa vào chu trình tự học và được bao quanh bởi hướng dẫn sư phạm, quy tắc và nguồn học liệu đáng tin cậy.

V. THẢO LUẬN

Kết quả cho thấy năng lực tự học có hỗ trợ AI là động lực mạnh nhất. Phát hiện này phù hợp với quan điểm xem AI như một bộ phận của chu trình lập kế hoạch - thực hiện - giám sát - đánh giá, thay vì một công cụ tạo câu trả lời. Đối với lý luận chính trị, giá trị của AI nằm ở khả năng duy trì đối thoại với kiến thức: sinh viên có thể yêu cầu giải thích lại một khái niệm, so sánh hai luận điểm, tạo ví dụ kinh tế hoặc tự kiểm tra bằng câu hỏi tình huống. Khi người học chủ động điều khiển, AI giúp mở rộng thời gian và chiều sâu tự học.

Sự hỗ trợ của giảng viên và Đại học đứng thứ hai, cho thấy công nghệ không vận hành trong khoảng trống thể chế. Một sinh viên có thể thành thạo công cụ nhưng vẫn sử dụng sai mục đích nếu không biết giới hạn cho phép, cách trích dẫn hoặc tiêu chuẩn nguồn tin. Kết quả này củng cố lập luận rằng quản trị AI trong đại học phải chuyển từ phản ứng tình thế sang thiết kế hệ thống. Giảng viên không mất vai trò khi AI xuất hiện; trái lại, vai trò chuyển từ người truyền đạt thông tin sang người thiết kế trải nghiệm, đặt chuẩn mực và dẫn dắt phản biện.

Năng lực sử dụng AI có tác động tích cực nhưng thấp hơn tự học và hỗ trợ thể chế. Điều này cảnh báo việc đồng nhất kỹ năng viết prompt với năng lực học tập. Một câu lệnh tốt có thể tạo đầu ra tốt hơn, nhưng không bảo đảm người học hiểu vấn đề. Vì vậy, đào tạo AI literacy cần đặt kỹ thuật trong quan hệ với tri thức môn học, đạo đức và trách nhiệm. Cách tiếp cận chỉ tập trung vào công cụ dễ tạo ra sự tự tin bề mặt trong khi thiếu năng lực đánh giá.

Khả năng kiểm chứng có tác động nhỏ nhất nhưng vẫn có ý nghĩa. Không nên diễn giải kết quả này là kiểm chứng ít quan trọng. Có thể nhiều sinh viên đánh giá cao việc kiểm tra nhưng chưa biến nó thành thói quen ổn định; hoặc kiểm chứng chỉ phát huy đầy đủ khi người học đã có kiến thức nền. Trong lĩnh vực lý luận chính trị, kiểm chứng

là "hàng rào chất lượng" bảo vệ toàn bộ quá trình. Một thông tin sai về khái niệm, văn kiện hoặc bối cảnh lịch sử có thể làm lệch cả chuỗi lập luận. Do đó, kiểm chứng cần được tích hợp vào nhiệm vụ học tập thay vì để sinh viên tự thực hiện một cách tùy nghi.

VI. HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ

Thứ nhất, xây dựng khung năng lực AI cho sinh viên theo đặc thù môn học. Khung này nên gồm bốn tầng: sử dụng công cụ; tự điều chỉnh việc học; đánh giá và kiểm chứng; đạo đức và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra không nên dừng ở "biết sử dụng AI", mà cần yêu cầu sinh viên giải thích cách đã dùng, nguồn đã kiểm tra và phần đóng góp trí tuệ của bản thân.

Thứ hai, ban hành quy tắc sử dụng AI theo cấp độ nhiệm vụ. Đại học có thể quy định ba vùng: được phép sử dụng; được sử dụng có khai báo; không được sử dụng. Ví dụ, AI có thể được dùng để gợi ý câu hỏi, tạo sơ đồ hoặc luyện tập; việc viết bài phân tích có thể yêu cầu khai báo prompt và nguồn kiểm chứng; các bài kiểm tra đánh giá năng lực cá nhân cần giới hạn công cụ. Quy tắc càng cụ thể, sinh viên càng ít bị đặt vào vùng xám về liêm chính học thuật.

Thứ ba, thiết lập cơ chế "AI nhưng phải kiểm chứng". Mỗi bài tập có sử dụng AI nên yêu cầu ít nhất một bước đối chiếu với giáo trình, văn kiện hoặc nguồn học thuật. Có thể bổ sung phụ lục ngắn gồm: nội dung AI đã hỗ trợ, điểm sinh viên chấp nhận hoặc bác bỏ, nguồn đối chiếu và điều chỉnh cuối cùng. Cơ chế này biến kiểm chứng thành một phần của sản phẩm học tập, đồng thời giúp giảng viên đánh giá quá trình tư duy.

Thứ tư, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng khó thay thế bằng AI. Nhiệm vụ nên yêu cầu liên hệ với tình huống kinh tế - xã hội cụ thể, phản biện một đầu ra AI, bảo vệ quan điểm trực tiếp hoặc trình bày nhật ký học tập. Những hình thức này không nhằm "đuổi theo" công nghệ phát hiện AI, mà chuyển trọng tâm sang năng lực giải thích, lập luận và chịu trách nhiệm.

VII. KẾT LUẬN

AI đang đi vào lớp học nhanh hơn tốc độ mà nhiều quy định và phương pháp đánh giá có thể thích nghi. Đối với các môn lý luận chính trị, thách thức không nằm ở việc có cho phép sinh viên dùng AI hay không, mà ở việc bảo đảm công nghệ không làm rỗng quá trình hình thành tư duy, bản lĩnh và trách nhiệm. Nghiên cứu tại Đại học Kinh tế Quốc dân cho thấy năng lực tự học có hỗ trợ AI và sự hỗ trợ của giảng viên, Đại học là hai động lực nổi bật; năng lực sử dụng và kiểm chứng thông tin cũng tạo tác động tích cực. Kết quả gợi mở một nguyên tắc rõ ràng: AI chỉ nâng cao năng lực học tập khi sinh viên vẫn là người đặt mục tiêu, kiểm soát quá trình, kiểm chứng tri thức và chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính phủ. (2026a). Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/3/2026 quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.

Chính phủ. (2026b). Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Do, H. V., Bui, T. T., Tran, D. H., Nguyen, H. T., & Dinh, L. D. (2026). Developing and validating an AI literacy scale for university students in Vietnam. IFLA Journal. https://doi.org/10.1177/03400352251385058

Gonsalves, C. (2026). Generative AI's impact on critical thinking: Revisiting Bloom's taxonomy. Journal of Marketing Education. https://doi.org/10.1177/02734753241305980

Grassini, S. (2023). Shaping the future of education: Exploring the potential and consequences of AI and ChatGPT in educational settings. Education Sciences, 13(7), 692. https://doi.org/10.3390/educsci13070692

Lan, M., & Zhou, X. (2025). A qualitative systematic review on AI empowered self-regulated learning in higher education. npj Science of Learning, 10, 21. https://doi.org/10.1038/s41539-025-00319-0

Lo, C. K. (2023). What is the impact of ChatGPT on education? A rapid review of the literature. Education Sciences, 13(4), 410. https://doi.org/10.3390/educsci13040410

Rudolph, J., Tan, S., & Tan, S. (2024). Critical thinking in the age of generative AI. Academy of Management Learning & Education. https://doi.org/10.5465/amle.2024.0338

Strzelecki, A. (2024). Students' acceptance of ChatGPT in higher education: An extended unified theory of acceptance and use of technology. Innovative Higher Education, 49, 223–245. https://doi.org/10.1007/s10755-023-09686-1

Tlili, A., Shehata, B., Adarkwah, M. A., Bozkurt, A., Hickey, D. T., Huang, R., & Agyemang, B. (2023). What if the devil is my guardian angel: ChatGPT as a case study of using chatbots in education. Smart Learning Environments, 10, 15. https://doi.org/10.1186/s40561-023-00237-x

Wang, K., Cui, W., & Yuan, X. (2025). Artificial intelligence in higher education: The impact of need satisfaction on artificial intelligence literacy mediated by self-regulated learning strategies. Behavioral Sciences, 15(2), 165. https://doi.org/10.3390/bs15020165

Yan, L., Sha, L., Zhao, L., Li, Y., Martinez-Maldonado, R., Chen, G., Li, X., Jin, Y., & Gašević, D. (2024). Practical and ethical challenges of large language models in education: A systematic scoping review. British Journal of Educational Technology, 55(1), 90–112. https://doi.org/10.1111/bjet.13370

Zhai, X. (2023). ChatGPT user experience: Implications for education. SSRN Electronic Journal. https://doi.org/10.2139/ssrn.4312418